

Trường Tiểu học Hứa Tạo Họ và tên:..... Lớp: 3.....	<b>KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HK II</b> <b>Năm học 2024-20245</b> <b>MÔN TIẾNG VIỆT – LỚP 3</b>
---	--



Điểm	Nhận xét	GV chấm bài kí	

**ĐỌC HIỂU: (6đ)** (Thời gian: 30 phút)

**Con búp bê bằng vải**

Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi. Mẹ bảo Thủy chọn một món đồ chơi em thích nhất. Đi dọc gần hết phố đồ chơi, cô bé nhìn hoa cả mắt, vẫn không biết nên mua gì vì thứ nào em cũng thích. Đến cuối phố, thấy một bà cụ tóc bạc ngồi bán những con búp bê bằng vải giữa trời giá lạnh, Thủy kéo tay mẹ dừng lại. Bà cụ nhìn hai mẹ con Thủy, cười hiền hậu:

- Cháu mua búp bê cho bà đi!

Thủy nhìn bà, rồi chỉ vào con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau:

- Mẹ mua con búp bê này đi!

Trên đường về mẹ hỏi Thủy:

- Sao con lại mua con búp bê này?

Thủy cười:

- Vì con thương bà. Bà già bằng bà nội, mẹ nhi? Trời lạnh thế mà bà không được ở nhà, con mua búp bê cho bà vui.

Theo Vũ Nhật Chương

*Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy trả lời các câu hỏi sau:*

**Câu 1: Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi để làm gì?**

- A. Để Thủy được nhìn ngắm đồ chơi.
- B. Để Thủy được chọn mua đồ chơi nhiều tiền nhất.
- C. Để Thủy được chọn mua món đồ chơi em thích nhất.

**Câu 2: Vì sao đi gần hết phố, Thủy vẫn chưa mua được quà gì?**

- A. Vì Thủy hoa mắt, chóng mặt, không muốn chọn gì.
- B. Vì đồ chơi nhiều đến hoa mắt, thứ gì Thủy cũng thích.
- C. Vì nhiều đồ chơi nhưng đồ chơi nào cũng không đẹp.

**Câu 3: Thủy đã chọn mua món quà có đặc điểm gì?**

- A. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông.
- B. Con búp bê mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.
- C. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.

**Câu 4: Vì sao Thủy mua con búp bê vải?**

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào mỗi ô trống sau:

- A. Vì đó là món quà đẹp nhất.
- B. Vì em thương bà cụ bán hàng dưới trời lạnh.





## HƯỚNG DẪN CÁCH ĐÁNH GIÁ, GHI ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT 3 CUỐI KỲ I, NĂM HỌC 2024–2025

### A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

#### 1. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

- GV cho HS bốc thăm đọc một đoạn của các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 17, Sách hướng dẫn Tiếng Việt 3.

\* **Cách đánh giá, cho điểm :**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đọc đạt yêu cầu (60 tiếng/phút) : **1 điểm**.

- Đọc đúng tiếng, từ ( không đọc sai quá 5 tiếng) : **1 điểm**

- Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa : **1 điểm**

- Trả lời đúng 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc : **1 điểm**

#### 2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt: (6 điểm).

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4		Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
0,5	0,5	0,5	a) S 0,25	b) Đ 0,25	Thương người, quan tâm, giúp đỡ..... 0,75	0,75	0,5	0,5	0,5	Đ mỗi câu 0,25đ

### B. Chính tả (6 điểm)

- Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: **Bài học của gấu** (trang 57, sách Tiếng Việt 3- Tập 2).

\* **Hướng dẫn chấm:**

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1điểm

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

- Trình bày đúng quy định, sạch đẹp: 1 điểm

- Mắc quá 5 lỗi chính tả trong bài, mỗi trường hợp (kể cả viết thiếu hoặc thừa) trừ 0,25 đ/lỗi

- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,... trừ toàn bài 0,25điểm

### C. Tập làm văn (6 điểm)

- Nội dung ý: (3 điểm)

+ HS viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu

+ Phải có ít nhất 5-7 câu

- Kỹ năng: (3 điểm)

+ Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

+ Điểm đạt trôi chảy, đúng ngữ pháp: 1 điểm

+ Bài viết có sáng tạo: 1 điểm

- Tùy theo mức độ sai sót của bài viết, GV có thể chấm các mức điểm sao cho phù hợp

**MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT 3  
CUỐI KỲ II, NĂM HỌC 2024- 2025**

Kĩ năng	NỘI DUNG	Số điểm	MỨC 1		MỨC 2		MỨC 3		Tổng điểm	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL		
<b>Đọc tiếng &amp; Đọc hiểu</b> (ngữ liệu truyện đọc 195-200 chữ)	Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe, nói.		- Đọc 70-80 tiếng/phút - Sau khi HS đọc thành tiếng xong, GV đặt 01 câu hỏi để HS trả lời (Kiểm tra kĩ năng nghe, nói)							
	Đọc hiểu văn bản	2đ	Câu 1,2,3		Câu 4					
	Vận dụng hiểu biết vào thực tiễn	0,75 đ						Câu 5		
	- Biện pháp tu từ so sánh.	0,75đ						Câu 6		
	Từ có nghĩa giống nhau, trái ngược nhau.	0,5đ				Câu 7				
	- Dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu hai chấm, dấu phẩy - Câu cảm, câu khiến, câu kể, câu hỏi. - Đặt và trả lời cho câu hỏi: Khi nào? Ở đâu? Bằng gì? Để làm gì?	0,5đ  1,5 đ			Câu 8			Câu 9 Câu 10		
<b>Viết (CT-TLV)</b>	Chính tả	Viết bài	Nghe – viết đoạn văn 65-70 chữ/15 phút							
	- Viết một đoạn văn về ước mơ của em.		- Viết đoạn văn ngắn 6-8 câu theo chủ đề đã học							

